

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỶ ĐIỆN SON LA ĐẾN CÔNG TÁC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ CỔ KẾT CỘNG ĐỒNG TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI THÁI

VŨ HẢI VÂN

1. Đặt vấn đề

Đi dân, tái định cư (TĐC) không chỉ là sự tái cấu trúc lại địa bàn cư trú, không gian sinh tồn và các hoạt động kinh tế mà còn là sự xáo trộn lớn về kết cấu xã hội, quan hệ tộc người vốn đã rất ổn định qua thời gian. Ở mỗi tộc người, tổ chức xã hội đều được thiết lập trên cơ sở những phong tục tập quán, nếp nghĩ, nếp cảm riêng. Đối với người Thái cũng như nhiều tộc người khác, điểm nổi bật trong những giá trị truyền thống là tính cộng đồng hết sức bền chặt. Mọi thiết chế quản lý xã hội truyền thống của tộc người này đều được thực hiện trên nền tảng đó. Giá trị này tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu xây dựng cộng đồng cư dân đoàn kết, gắn bó, phát triển ổn định trên vùng đất mới tại các điểm TĐC.

Việc di chuyển một cộng đồng từ nơi ở cũ đến định cư tại nơi mới không đơn giản là sự dịch chuyển cơ học. Nó chịu ảnh hưởng, tác động, chi phối của rất nhiều yếu tố tự nhiên và xã hội, trong đó có vai trò quan trọng của yếu tố văn hóa truyền thống. Những làng, bản mới theo chủ trương TĐC của Nhà nước có rất nhiều thay đổi về kết cấu: có bản di chuyển nguyên vẹn, có bản phải xé ra thành nhiều bản, lại có bản mới bao gồm nhiều bản cũ, có bản mới bao gồm

nhiều dân tộc sinh sống với số lượng khác nhau... Nếu không có những chính sách hợp lý, tất yếu sẽ gây ra những hệ lụy, thậm chí làm tổn hại đến tình đoàn kết vốn có.

Mặc dù công trình thủy điện Sơn La đã có tác động đến nhiều mặt đời sống (kinh tế, xã hội và văn hoá) của người dân TĐC và cả người dân sở tại (Hữu Hạnh, Mạnh Thuần, 2006; Trần Thị Mai Lan, 2007; Phạm Quang Linh, 2008), nhưng bài viết này chỉ xem xét những tác động của thủy điện Sơn La đến công tác tổ chức, quản lý và cổ kết cộng đồng truyền thống của người Thái bị ảnh hưởng bởi công trình đó.

2. Khái quát chung về vùng Dự án nhà máy thủy điện Sơn La

Sau nhiều năm nghiên cứu, chủ trương xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La đã được Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ đồng ý xây dựng với phương án 3 bậc trên sông Đà tại tuyến Pá Vinh II, xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội Khoá X đã ra Nghị quyết số 44/2001-QH 10 ngày 26/9/2001 quyết định chủ trương đầu tư xây dựng Dự án nhà máy thủy điện Sơn La. Ngày 2 tháng 12 năm 2005, Dự án bắt đầu khởi công xây dựng.

Thủy điện Sơn La là công trình trọng điểm quốc gia, công trình thủy điện

lớn nhất Việt Nam và có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Đồng thời đây cũng chính là vận hội lịch sử đối với các tỉnh Tây Bắc nói chung và Sơn La nói riêng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sắp xếp lại lao động và dân cư, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Thủy điện Sơn La là công trình lớn nên cũng phải thực hiện công cuộc di dân TĐC lớn nhất ở nước ta cho đến thời điểm hiện nay. Tổng số hộ dân chịu ảnh hưởng bởi dự án và phải di dân ở 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu là 18.897 hộ với 91.100 nhân khẩu, trong đó người Thái chiếm 83,1%. Riêng tỉnh Sơn La có nhiệm vụ tổ chức di dân, TĐC tính đến năm 2010 là 12.497 hộ dân, tương đương với 7 vạn dân phải di chuyển bắt buộc. Theo Quyết định số 196/2004/QĐ-TTg ngày 29/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể di dân, TĐC Dự án Thủy điện Sơn La thì trên địa bàn tỉnh Sơn La có 10 vùng (thuộc 10 huyện), 83 khu (thuộc 83 xã), 218 điểm TĐC, bố trí 100% số hộ TĐC của tỉnh. Dân cư bị ảnh hưởng gồm 7 dân tộc, trong đó dân tộc Thái chiếm tỷ lệ 88,14%. Tổng số diện tích đất bị ngập là 23.333 ha: đất nông nghiệp là 7.670 ha, đất lâm nghiệp có rừng - 3.170 ha, đất chuyên dùng - 879 ha, đất ở - 527 ha, đất chưa sử dụng - 11.087 ha. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản và hộ TĐC, công trình kiến trúc và kết cấu hạ tầng khoảng 1.788 tỷ đồng; giá trị thiệt hại tài sản của các tổ chức là 373 tỷ đồng, giá trị thiệt hại tài sản của hộ gia đình và cá nhân là 1.051 tỷ đồng. Như vậy, có thể thấy vùng và đối tượng bị ảnh hưởng bởi công trình thủy điện Sơn La là rất lớn.

3. Tổ chức, quản lý và cố kết cộng đồng truyền thống của người Thái

3.1. Làng bản

Trước khi thực hiện TĐC, bản của người Thái thường là đơn vị dân cư tự nhiên (natural grouping), nơi cư trú của phần lớn các gia đình có quan hệ thân tộc chằng chéo, và cũng là chân rết của hệ thống chính quyền cơ sở (cấp xã). Trong bản, kinh tế hộ gia đình là chủ đạo nhưng vẫn có nhiều hoạt động gắn bó với cộng đồng, nhất là trong khai thác nguồn lợi tự nhiên (săn bắt, hái lượm trong rừng, trên sông suối, trên đồng ruộng sau thu hoạch). Đất đai đã được giao phần lớn cho các hộ gia đình, song nhiều bản làng vẫn có đất rừng của cộng đồng (rừng thiêng, rừng đầu nguồn, rừng được giao khoán cho cộng đồng bảo vệ). Các quy ước dựa trên cơ sở của luật tục truyền thống vẫn được dân bản tôn trọng, đặc biệt là quy ước liên quan đến bảo vệ mùa màng, bảo vệ rừng và đảm bảo an ninh trật tự của làng bản.

3.2. Gia đình và dòng họ

Hiện gia đình Thái có hai loại hình: gia đình hạt nhân và gia đình mở rộng. Gia đình hạt nhân gồm một cặp vợ chồng, hoặc gồm bố mẹ và con cái, với số lượng thành viên thường từ 3-4 người. Gia đình mở rộng là ngoài các thành viên của gia đình hạt nhân, có thể còn thêm ông bà, anh chị em ruột, anh chị em dâu hoặc cháu của chủ hộ. Các gia đình mở rộng thường có 6-7 thành viên trở lên. Loại gia đình lớn với nhiều cặp vợ chồng, thậm chí có tới hàng chục cặp cùng cư trú trong một mái nhà vốn không hiếm trước năm 1954, nay hầu như đã vắng bóng.

Sống trong một nếp nhà, mỗi gia đình đều thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Người Thái vốn rất cần cù dũng cảm trong

lao động và đấu tranh: “Yêu người khoẻ, mến người chăm làm” (*Hặc phủ hán, péng phủ dươn*); “Mường có giặc thì ưa người gan dạ” (*Mường xác péng cón han*)... Họ có lối sống thật thà, chất phác, giản dị, làm nhiều, nói ít. Tục ngữ Thái đã có câu: “Lòng thẳng như nước trong” (*Nặm xâu châu xư*), “Chăm làm cố sức làm tới, chứ không nên lảm lòi” (*Xác dết mấn dươn, báu pá đảy quám lai*). Người Thái ưa thích sự tự do phóng khoáng, ít tính toán trong sinh hoạt, rất mến khách nên thường sống rộng lượng, cả tin. Trong cuộc sống, họ luôn vun đắp xây dựng gia đình yên ấm, hoà thuận.

Trong làng bản, các gia đình cùng dòng họ có quan hệ huyết thống gần thường cư trú thành từng cụm quây quần với nhau theo lối mật tập. Mỗi thành viên trong dòng họ luôn ý thức trách nhiệm cùng chia sẻ và đoàn kết, tương trợ nhau trong cuộc sống. Vai trò của người già, trưởng họ luôn được các thành viên trong dòng họ coi trọng, nhiều khi có tính quyết định trong một số công việc lớn có liên quan đến sự cố kết của dòng họ ấy (định cư, di cư, chuyển nơi canh tác, thờ cúng, bảo vệ môi trường...). Các mối quan hệ thân tộc khăng khít, ràng buộc bởi các quan hệ chằng chịt nhau của ba mối mà tiếng Thái gọi là “*ái noọng*”, “*lúng ta*” và “*nhính xao*”. “*Ái noọng*” là dòng họ bên bố. Trong mối quan hệ “*ái noọng*”, đại bộ phận các bản người Thái, nhất là bản Thái Đen thường có những gia đình cùng họ chiếm tuyệt đại đa số. Hầu như những người cùng tên họ đều là “*ái noọng*” hay ít nhất cũng là những nhóm “*ái noọng*” có quan hệ gốc gác với nhau. Còn “*lúng ta*” là họ hàng nhà mẹ, và “*nhính xao*” là những người rể.

3.3. Tổ chức, quản lý và cố kết cộng đồng truyền thống

Có thể nói, sợi dây cố kết căn bản trong các làng bản Thái chính là luật tục. Trong quản lý cộng đồng, người Thái vốn là dân tộc sớm cho ra đời hệ thống luật tục khá chi tiết đã được văn bản hóa và thường mang một cái tên chung là “*Hịt khoỏng*” (*Hịt khoỏng* bản mường). Đây thực chất là những quy định chung về ranh giới bản mường, hệ thống bộ máy quản lý, quyền sở hữu, hôn nhân gia đình, lễ nghi và hội hè, tội phạm và các hình thức xét xử, trừng phạt... (Cầm Trọng, 1978). Như đã trình bày ở phần trên, đến nay nhiều luật tục Thái vẫn có giá trị và thường hiện diện trong các quy ước mới của làng bản.

Bên cạnh luật tục, người Thái còn có nhiều tập quán, thường được thể hiện cô đọng qua thành ngữ, tục ngữ, ca dao, câu nói cửa miệng dưới dạng văn vần để định hướng những chuẩn mực ứng xử của con người, qua đó góp phần quản lý cộng đồng. Người Thái cũng luôn ý thức xây dựng sự gắn bó, giúp đỡ nhau giữa các thành viên trong cộng đồng. Các gia đình mỗi khi có việc, hoặc cần phải khẩn trương hoàn thành các khâu trong quá trình sản xuất, sau khi tổ chức “bữa mời” theo phong tục, cộng đồng, đặc biệt là những người thân tộc sẵn sàng đến giúp đỡ. “Tục mời” (*hịt van*) này còn được mở rộng trong phạm vi khác của cuộc sống như “mời” toàn bản dựng nhà mới, “mời” toàn bản đào ao... Hoặc khi một gia đình nào đó thu được tổ ong vò vẽ, ong mật, hái quả chín ở trong rừng về thì dù ít, dù nhiều đều giữ tục biếu thân tộc và bà con trong bản. Đây chính là yếu tố cốt lõi gắn kết các thành viên trong sản xuất và đời sống.

Ngoài ra, nhiều yếu tố văn hóa khác của người Thái cũng có vai trò trong cố kết cộng đồng. Điều đó được thể hiện rõ trong các lễ hội mang đậm bản sắc văn hoá của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước mà đến nay vẫn tồn tại ở không ít bản làng, như lễ *xên bản* (cúng bản), lễ cơm mới, hội ném còn... Qua đó, góp phần kết nối các thành viên trong cộng đồng và cũng là cơ hội tốt để trai gái giao duyên...

4. Việc tổ chức, quản lý và cố kết cộng đồng của người Thái sau TĐC

Tôn trọng truyền thống của làng bản các tộc người nên tỉnh Sơn La đã có chủ trương: khi di chuyển dân đến nơi TĐC sẽ chuyển theo cộng đồng, dòng họ, cố gắng không làm thay đổi cấu trúc xã hội của bản làng và phải chuyển đến nơi có điều kiện tương đồng về văn hoá.

Mặc dù đã cố gắng hết sức để bố trí di chuyển theo hình thức “di chuyển cả cộng đồng” theo chủ trương của Bộ Văn hoá Thông tin (nay là Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch) (Bộ Văn hoá Thông tin - Văn bản số 2482/VHTT- DSVH ngày 14/7/2004) và “một bản thành một bản” theo chủ trương ban đầu của tỉnh (Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 17/9/2004 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Sơn La về công tác bồi thường di dân tái định cư thuỷ điện Sơn La), song qua thực tế công tác TĐC từ năm 2004 đến nay, do điều kiện về đất đai, nguồn nước, nhu cầu TĐC khi nước ngập... nên việc bố trí dân TĐC đảm bảo giữ nguyên số hộ của các bản cũ và không thêm hộ mới nào nơi bản mới là một việc làm rất khó thực hiện. Vì vậy, tình trạng phải di chuyển một bản đến nhiều nơi ở mới, hoặc

nhiều bản đến một nơi ở mới là phổ biến. Ví dụ như phải di chuyển một phần của bản (Bản Ít B, Bản Om, Bản Cà Nàng, Bản Púm, Bản Khoảng, Bản Le - huyện Quỳnh Nhai) đến nơi ở mới ghép lại thành một bản; hoặc một số bản khi di chuyển đến nơi ở mới phải chia tách thành 2, 3 bản mới (Bản Le); hoặc phải gộp 2, 3, 4 bản để thành lập một bản mới (Bản Phiêng Xe 1, Phiêng Xe 2, Huổi Muôn 1, Huổi Muôn 2). Từ việc bố trí TĐC như vậy nên khi hình thành bản mới, cấu trúc bản truyền thống bị phá vỡ. Theo đó, mối quan hệ làng bản của đồng bào các dân tộc nơi đây cũng bị thay đổi.

Qua tìm hiểu chúng tôi nhận thấy một số vấn đề nảy sinh khi người dân chuyển đến nơi ở mới như sau:

4.1. Một bản cũ chuyển hoàn toàn đến một nơi ở mới

Điều kiện lý tưởng nhất là di cư một bản cũ đến nơi ở mới với tất cả số hộ trong bản. Với kiểu di chuyển theo mô hình này, cơ cấu các hộ và bộ máy quản lý trong bản không thay đổi. Chính đội ngũ cán bộ là nòng cốt vận động bà con chuyển đến nơi ở mới, là chỗ dựa tinh thần không thể thiếu trong thời gian đầu ổn định cuộc sống nơi ở mới. Sự thay đổi thuận tụy ở đây chỉ là môi trường và điều kiện sống mới, nhưng cũng nảy sinh rất nhiều vấn đề. Khi được giao nhà và đất canh tác, tâm lý của bất cứ người dân nào cũng mong muốn được sống ở nơi thuận tiện sinh hoạt, phù hợp với phong thuỷ gia đình, được phân những phần đất màu mỡ trong sản xuất... Song chính sách Nhà nước dù chu đáo đến mấy cũng không thể thoả mãn được tất cả mong muốn của người dân. Chính vì vậy, cách làm duy nhất được đồng bào người dân

đồng tình là gặp thăm đối với vị trí ngôi nhà và khu đất canh tác. Tuy nhiên, kết quả phân chia sau khi gặp thăm cũng còn rất nhiều vấn đề phải điều chỉnh: bên cạnh những hộ gia đình bốc thăm được chỗ ở ưng ý, còn có không ít hộ gia đình không hài lòng về kết quả bốc thăm của mình. Đó là những hộ gia đình khi còn ở bản cũ thuộc diện giàu có trong bản, đất rộng, màu mỡ, có vị trí rất thuận tiện cho sinh hoạt và canh tác. Nay họ bốc thăm phải những chỗ không ưng ý đã trở nên bị sốc về tâm lý. Từ chỗ không hài lòng về nơi ở mới, họ đã có thái độ không tốt, gây mâu thuẫn, mất đoàn kết trong bản.

Bản truyền thống của các dân tộc ở khu vực Tây Bắc thường rất rộng. Mỗi gia đình thường có quỹ đất dự trữ để chia đất dựng nhà cho những người sẽ trưởng thành. Vì vậy, trong một bản đầu chỉ là một dòng họ, nhưng theo thời gian, số hộ gia đình vẫn ngày càng tăng. Khi người dân chuyển đến nơi ở mới, hầu hết có tâm lý hẫng hụt vì phải xa mảnh đất bao năm gắn bó. Tại nơi ở mới, họ rất mong muốn được sống bên cạnh những người anh em ruột thịt, hoặc những người hàng xóm cũ. Tuy nhiên, việc gặp thăm vị trí nhà ở vô tình dẫn đến một số ít hộ không được như ý.

4.2. Một bản cũ chuyển đến nhiều nơi ở mới khác nhau

Di chuyển từ một bản cũ đến nhiều nơi ở khác nhau là hình thức mà tuyệt đại đa số người dân bị di chuyển đều không muốn, và chủ trương của Nhà nước cũng hạn chế tối đa di chuyển theo hình thức này. Tuy nhiên, vì điều kiện đất thổ cư, đất canh tác, nước sinh hoạt... hạn chế, nên vẫn có một số ít bản lớn phải chia ra để chuyển đến hai hoặc nhiều nơi ở mới. Mặc dù đã bị chia ra

nhưng nếu ở nơi TĐC không có thêm hộ mới từ các bản khác, hoặc không phải sống xen ghép cùng người dân sở tại, thì sự xáo trộn cuộc sống của những người dân TĐC về cơ bản giống như hình thức di chuyển đã được đề cập ở mục 4.1. Song họ có một số thiệt thòi hơn: phải sống xa những người dân trong bản, thậm chí là những người anh em ruột thịt, hoặc những người hàng xóm láng giềng thân thích.

Khi một bản lớn chuyển đến nhiều nơi ở mới, vì số hộ dân không tương xứng với quỹ đất được quy hoạch nơi TĐC nên có một số ít hộ gia đình phải sống xen ghép cùng dân sở tại. Qua khảo sát cho thấy phần lớn số hộ phải sống xen ghép không hài lòng vì họ phải chịu nhiều thiệt thòi hơn so với những hộ được di chuyển theo hình thức khác. Ngoài những mất mát phải xa quê cũ, xa anh em ruột thịt, hàng xóm láng giềng, họ còn phải mất thời gian tìm hiểu phong tục tập quán của nơi họ chuyển đến, phải làm quen với hàng xóm láng giềng mới...

Với hình thức di chuyển theo kiểu một bản lớn chuyển đến nhiều nơi ở mới, sẽ có bản thiếu trưởng bản và một số cán bộ chủ chốt; như vậy, công việc bầu lại trưởng bản và một số chức danh trong bản phải tiến hành khẩn trương. Ngoài ra, đối với một số tổ chức bị phân chia thành nhiều nơi cũng cần sớm được khôi phục như: Chi bộ Đảng (đối với bản có chi bộ), chi đoàn Thành niên, đội múa xòe, đội văn nghệ bản, đội bóng... Nhưng điều cần quan tâm nhất chính là sự thay đổi quá lớn về nếp sống vốn có, về không gian văn hoá, bởi lẽ lựa chọn nơi định cư không thể đáp ứng hoàn toàn nguyện vọng của họ; văn hoá của các dân tộc lại có nhiều điểm khác biệt, muốn hoà đồng phải cần thời gian.

Những yếu tố này thực sự là phần việc khó giải quyết nhất của công tác TĐC, đòi hỏi sự thận trọng và tôn trọng những nguyện vọng của nhân dân.

4.3. Nhiều bản cũ chuyển đến một nơi ở mới

Ngoài hai hình thức di chuyển trên còn có hình thức di chuyển từ nhiều bản cũ chuyển đến một nơi ở mới, hợp lại thành một bản mới. Hình thức TĐC như vậy chỉ xảy ra đối với những bản nhỏ có số lượng hộ gia đình trong bản ít, không đủ số hộ tương xứng với quy hoạch của Nhà nước tại nơi ở mới. Với hình thức TĐC này, về cơ bản cuộc sống nơi ở mới cũng giống như hình thức TĐC theo kiểu một bản cũ chuyển đến một bản mới. Mặc dù trong một bản nhưng để tránh xáo trộn quá nhiều trong tâm lý người dân, Nhà nước đã cố gắng phân đất theo từng khu để những người cùng một bản được sống gần nhau, cho dù có thể họ không phải là hàng xóm láng giềng cũ, nhưng chí ít cũng là những người đã quen biết nhau. Trái với hình thức di chuyển theo kiểu một bản lớn chia thành nhiều bản nhỏ, hình thức di chuyển này dẫn đến một bản thừa trưởng bản, thừa cán bộ chủ chốt, có hai hoặc nhiều đội văn nghệ, đội kèn trống, nhiều hình thức văn hoá khác nhau cùng tồn tại... Nhìn bề ngoài, hình thức này có vẻ dễ dàng hơn hình thức một bản di chuyển đi nhiều bản. Nhưng vấn đề đặt ra là tính đa dạng không phải lúc nào cũng là lợi thế, trong khi tìm điểm chung cho cộng đồng dân cư ở đây lại là việc khó. Như vậy, việc bảo tồn các giá trị văn hoá sẽ được đặt ra cấp bách.

Những bản làng người Thái vốn có tập quán định cư trên các thung lũng, chân núi hoặc ven suối với những nếp nhà sàn đẹp

đẽ và rộng rãi lại là khối dân TĐC chính ở vùng mực nước dâng 140-180m của hồ thủy điện. Với nét đặc trưng điển hình là sự gắn kết cộng đồng chặt chẽ, các thành viên trong gia đình, dòng họ, bản, mường luôn có ý thức xây dựng khối cộng sinh, cộng lợi, cộng cảm và cộng mệnh.

Nhìn chung, dự án TĐC Thủy điện Sơn La đã tính toán nhiều tới việc duy trì, phát huy giá trị tri thức người Thái trong việc tổ chức, quản lý và duy trì mối quan hệ xã hội trong cộng đồng nên trong quá trình thực hiện các điểm TĐC, tính cộng đồng bền chặt của người Thái được phát huy rõ nét. Các dòng họ người Thái ít nhất cũng có tới 15 hộ, nhiều có tới 45 hộ. Các dòng họ trong bản đều có sự tương trợ, giúp đỡ nhau trong di chuyển, dựng nhà mới. Tiền đền bù vận chuyển của Nhà nước được các gia đình sử dụng để trang trải trong các bữa ăn hay lễ nhà mới chứ không để trả công cho người đến giúp. Sự chi phối của các mối quan hệ họ hàng và quan hệ bản làng thể hiện trong nguyện vọng cùng di chuyển cả bản đến nơi ở mới và anh em họ hàng, ruột thịt muốn ở gần nhau. Hiện tượng này đã xuất hiện ở bản Phiêng Búng xã Mường Bú, bản Mông Luông (Thuận Châu), khi chọn khuôn viên nhà ở nơi mới, chính quyền địa phương sử dụng cách thức bốc thăm để không có sự ghen tỵ, nhưng sau đó các hộ cùng dòng họ dựng nhà gần nhau. Cũng có trường hợp khi gia đình trưởng họ chưa di chuyển thì các gia đình trong dòng họ đó cũng đều ở lại (như 5 hộ họ Quảng ở xã Ít Ong, huyện Mường La phải dời đến bản Huổi Pán, xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu).

Hình thức sinh sống quần tụ theo gia đình, dòng họ truyền thống của người Thái

bị phá vỡ khi thực hiện chính sách TĐC. Kết cấu của bản Thái cũ ở Ít Ong đã bị chia tách, nửa bản này được ghép với nửa bản khác để tạo nên bản mới. Những đại gia đình từ trước vẫn quen sống quây quần với nhau trong khu vực nhất định thường xuyên qua lại, tương trợ lẫn nhau nay phải sống xa nhau từ 3 đến 4 km, gây khó khăn đối với cuộc sống vật chất và tinh thần của họ.

Quá trình TĐC ảnh hưởng trực tiếp tới các quan hệ xã hội giữa các tộc người, giữa các nhóm người, giữa người dân tại chỗ với người nhập cư. Chẳng hạn, người Thái Đen ở Ít Ong đã gặp phải một số khó khăn khi thiết lập quan hệ với nhóm Thái Trắng sở tại, đặc biệt là khi giải quyết mối quan hệ về lợi ích kinh tế. Người Thái Trắng vốn quen với lối sống quảng canh, năng suất thấp, nay họ phải chia sẻ một phần đất đai cho người Thái Đen tới đây TĐC nên cảm thấy quyền lợi bị tổn hại. Đây chính là yếu tố tiềm ẩn ảnh hưởng trực tiếp tới các mối quan hệ xã hội trong vùng TĐC. Thực tế đã thấy xuất hiện một số xích mích nảy sinh giữa hai nhóm Thái như: xô xát giữa các đám thanh niên, tin đồn về loài ma cà rồng xuất hiện trong cộng đồng của người Thái TĐC chuyên đi hại mọi người nên đã gây tâm lý sợ hãi, lo lắng và xa lánh của người dân sở tại đối với người TĐC nhập cư; miếu thờ thổ công của người dân TĐC đặt ở đầu bản Dọi II bị người dân sở tại đập nát... Trong khi đó, người Thái TĐC đang rất cần sự chia sẻ, giúp đỡ thiết thực từ người dân sở tại sau khi họ đã hy sinh những quyền lợi vật chất của mình vốn đã được tạo dựng từ nhiều thế hệ trước và dời bỏ quê hương bản quán vì lợi ích quốc gia.

Rút kinh nghiệm từ mô hình Tân Lập¹ trong việc quy hoạch địa bàn và xây dựng nhà ở cho các hộ TĐC không phù hợp với văn hoá của đồng bào, các điểm TĐC sau này đã khuyến khích đồng bào dỡ nhà từ nơi ở cũ mang đến nơi ở mới để xây lắp, tạo ra sự ấm cúng thân quen trong “ngôi nhà cũ trên đất mới”, vừa phù hợp với tình hình thực tế, vừa hợp về tâm lý và tập quán của đồng bào. Cùng với những chính sách đền bù hợp lý, điều đó đã tạo cơ hội cho nhiều gia đình sửa chữa nâng cấp nếp nhà.

Kết luận

Công trình thủy điện Sơn La đã có những tác động lớn đến kết cấu xã hội và bản sắc tộc người của cộng đồng TĐC. Mặc dù việc TĐC luôn chú trọng giữ gìn sự cố kết của cộng đồng và tộc người nhưng vẫn không tránh khỏi những bất cập. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển bền vững và gìn giữ bản sắc văn hoá cũng như sự ổn định và phát triển của cộng đồng.

Trước hết, cộng đồng bị phá vỡ không gian cư trú. Đó là sự dịch chuyển toàn bộ cộng đồng từ một không gian địa lý này đến một không gian địa lý khác. Thực tế ấy có thể được chấp nhận ở các tộc người có

¹ Tại khu TĐC Tân Lập, tùy theo số khẩu, mỗi hộ được cấp một nhà ở với giá trị từ 70 đến 120 triệu đồng [<http://www.tchdtkh.org.vn/tapchi.asp?code=2580>] (truy cập ngày 28/7/2010). Việc xây nhà sẵn như vậy không phù hợp với phong tục của đồng bào. Người Thái có những tri thức rất hay khi chọn đất làm nhà và quy định chặt chẽ việc chọn hướng nhà... Nhà TĐC được làm bằng bê tông, mái tôn nên rất nóng về mùa hè và gây tiếng ồn khi trời mưa, khác với ngôi nhà truyền thống của người Thái được làm bằng gỗ, tre, bương... nên thoáng mát. Diện tích nhà TĐC chỉ bằng khoảng một nửa diện tích nhà sàn cũ nên mặt bằng sinh hoạt thiếu, đồng bào đã phải từ bỏ một số phong tục truyền thống: không có chỗ đặt khung dệt vải trong nhà TĐC; khó tổ chức những buổi liên hoan cộng đồng, sinh hoạt văn nghệ...

tập quán du canh du cư, nhưng với người Thái vốn có truyền thống định cư lâu đời thì sự thay đổi này là vấn đề lớn. Điều đó có thể giải thích tại sao việc vận động di chuyển đối với nhiều nơi rất khó khăn, nhiều khi đồng bào đồng ý rồi nhưng sau lại thay đổi.

Cùng với sự phá vỡ về không gian cư trú là việc khó khăn trong hòa nhập xã hội tại nơi ở mới. Trường hợp này diễn ra với cộng đồng bị ly tán để hoà nhập với cộng đồng ổn định khác như tại các điểm TĐC ở Pu Nhuông, Phiêng Búng (huyện Mường La). Các cộng đồng đang trong trạng thái ổn định (dù là cùng một dân tộc) cũng chưa được chuẩn bị về mặt tâm lý để chấp nhận sự hoà nhập (như ở Mường Khiêng, Thuận Châu hay các điểm ở Mường Bú, huyện Mường La). Họ còn e ngại làm mất tính ổn định của cộng đồng sở tại. Nếu người mới đến nghèo hơn, thì có thể nhận được sự nhường cơm, sẻ áo và bao dung của người sở tại (trường hợp bản Sang ở Mường Bú). Song nếu người mới đến biết cách làm ăn, giàu hơn, được ưu đãi hơn thì dân sở tại sinh lòng đố kỵ. Cộng đồng di dân TĐC đến nơi mới nội huyện, nội tỉnh nếu sau này làm ăn khấm khá thì ít nảy sinh tiêu cực; còn nếu bị nghèo đói, thiếu thốn thì con đường xấu nhất của họ là tìm đường về nơi cũ. Đây chính là hiện tượng đã diễn ra ở một số điểm TĐC và cũng chính là sự cảnh báo đối với các dự án TĐC nếu không tính đến việc bảo đảm cho sự phát triển bền vững của các cộng đồng.

Vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng tộc trong xã hội truyền thống của người Thái chính là yếu tố quan trọng nhất để giữ gìn sự ổn định của cộng đồng bên cạnh hệ thống luật tục của đồng bào. Nhưng ở các dự án TĐC hầu như chưa tính toán

nhiều tới việc phát huy tính tự quản của đồng bào vốn là yếu tố rất quan trọng, hỗ trợ sự điều hành của hệ thống chính trị cơ sở trong môi trường xã hội mới ở vùng TĐC.

Công trình thủy điện Sơn La hứa hẹn sẽ mang đến sự phát triển mới cho một vùng được mong muốn trở thành “hòn ngọc ngày mai của Tổ Quốc”, phải được đặt trong tổng thể phân tích và đánh giá về những tác động tích cực và tiêu cực của nó đối với đời sống của đồng bào bị ảnh hưởng. Trên cơ sở đó, trong quá trình thực hiện dự án, chúng ta mới phát huy được những mặt tích cực hoặc những lợi ích mà dự án đem lại cho đồng bào nhân dân và hạn chế đến mức thấp nhất những tác động tiêu cực mà nó gây ra.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ văn hoá thông tin - Văn bản số 2482/VHTT- DSVH ngày 14/7/2004.
2. Hữu Hạnh, Mạnh Thuận (2006), *Tái định cư cho nhân dân vùng lòng hồ Sông Đà - Cuộc sắp xếp lớn của Sơn La*, Báo Nhân dân, số 18429/2006.
3. Trần Thị Mai Lan (2007), “Người Thái ở khu tái định cư xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 22-25.
4. Phạm Quang Linh (2008), “Đánh giá tác động xã hội của dự án thủy điện Sơn La đối với người dân tái định cư tại bản Nậm Tôm, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 27-38.
5. Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 17/9/2004 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Sơn La về công tác bồi thường di dân tái định cư thủy điện Sơn La.
6. Cẩm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.